

Số: 111/2023/QĐST- HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 248/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Y.

Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Y.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần T có 02 con chung là Trần Nguyễn Quốc H, sinh năm 1992 và Trần Nguyễn Thế N, sinh năm 2004. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000290 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.Vũng Tàu; Hoàn trả lại cho bà T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND TP.Vũng Tàu;*
- *Thi hành án DS TP.Vũng Tàu;*
- *UBND Phường Thanh Bình, TP Đà Nẵng*
- *Lưu HS vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đinh Thị Hồng Hà